

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện công tác CCHC tại xã Quảng Phú năm 2019**

#### **I. CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CÔNG TÁC CCHC**

##### **1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành**

- Thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác CCHC, ngay từ Quý IV năm 2018, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 28/12/2018 về việc triển khai thực hiện công tác CCHC năm 2019. Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 14/08/2019 về nâng cao chỉ số cải cách hành chính năm 2019

- Đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo, đôn đốc và triển khai các văn bản của cấp trên về việc thực hiện công tác CCHC trên địa bàn. Trong đó tập trung chỉ đạo cán bộ, công chức vận hành có hiệu quả các phần mềm dùng chung của tỉnh, tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện công tác dân vận chính quyền, nâng cao chỉ số CCHC của xã, chỉ đạo thực hiện nghiêm các văn bản liên quan đến việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh,....

- Đã tiến hành tự chấm điểm chỉ số CCHC năm 2018 của xã, nộp hồ sơ về Phòng Nội vụ đảm bảo thời gian quy định. Tổ chức tự chấm điểm mức độ chính quyền điện tử của xã.

- Đã tiến hành tự đánh giá, chấm điểm và phân loại cán bộ, công chức cơ quan xã Quý I, Quý II, Quý III nộp hồ sơ về Phòng Nội vụ đảm bảo thời gian quy định.

- Tiếp tục rà soát để đề nghị trang trang cấp trang thiết bị điện tử cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại của xã.

- Đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác dân vận chính quyền năm 2019.

##### **2. Về công tác tuyên truyền CCHC**

- Đã ban hành Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 12/03/2019 về việc tuyên truyền công tác CCHC năm 2019, thường xuyên chỉ đạo Đài truyền thanh xã duy trì và nâng cao chất lượng các chuyên trang, chuyên mục CCHC, vận động sử dụng các các kênh thông tin, truyền thông khác để tuyên truyền công tác CCHC của xã. Nhìn chung công tác thông tin, tuyên truyền CCHC trên hệ thống đài truyền thanh và trên Cổng thông tin, điện tử của xã được quan tâm, trong năm có 19 tin tuyên truyền về công tác CCHC, chủ trương chính sách và pháp luật của nhà nước trên hệ thống Đài truyền thanh và 42 tin đăng trên cổng thông tin điện tử của xã.

### **3. Về kiểm tra CCHC**

- Nhằm kịp thời đánh giá việc triển khai, thực hiện công tác CCHC tại UBND xã và nhiệm vụ của công chức cấp xã, đã ban hành Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 21/01/2019 của UBND xã về việc kiểm tra công tác CCHC, việc thực hiện nhiệm vụ công chức năm 2019, đã thành lập Đoàn kiểm tra và tiến hành kiểm tra công tác CCHC đối với 02 công chức, kết thúc kiểm tra UBND xã đã ban hành thông báo kết luận kiểm tra, đề nghị khắc phục những tồn tại hạn chế mà đoàn kiểm tra đã kết luận.

- Để tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở trên địa bàn xã, UBND xã đã ban hành Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 về thành lập đoàn kiểm tra công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2019, thường xuyên tiến hành kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức tại cơ quan xã, thường xuyên báo cáo lãnh đạo xã để có nhắc nhở, khắc phục kịp thời.

## **II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2019**

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên, cùng với sự nỗ lực, cố gắng của các ban ngành, đoàn thể, các cán bộ, công chức, công tác CCHC trên địa bàn tiếp tục có những chuyển biến tích cực, cụ thể là:

### **1. Cải cách thể chế**

Ngay từ đầu năm, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 07/01/2019 về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2019. Công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND xã được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo đúng quy trình, thủ tục theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành VBQPPL. Trong thời gian qua đã ban hành 02 văn bản QPPL đó là Nghị quyết về KT – XH năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019.

- Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được triển khai thực hiện khá đảm bảo, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 9A/KH-UBND ngày 21/01/2019 về phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2019. Các văn bản quy phạm pháp luật do các cấp ban hành đã được triển khai và áp dụng đầy đủ trên địa bàn.

- Thực hiện tốt công tác rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND xã ban hành bảo đảm văn bản ban hành đúng thẩm quyền và đúng luật, UBND xã đã ban hành kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 11/01/2019 về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2019. Tổ chức rà soát 02 Nghị quyết về Kinh tế - Xã hội năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019 đảm bảo quy định.

### **2. Cải cách TTHC**

Tiếp tục thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính, UBND xã đã ban hành kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 04/01/2019 về kiểm soát TTHC năm

2019, trong năm đã kiểm soát đối với 219 thủ tục và kiểm tra việc thực hiện thủ tục hành chính sau khi văn bản quy định về thủ tục mới được ban hành đối với lĩnh vực Tư pháp Hộ tịch, lĩnh vực Lao động thương binh và xã hội, lĩnh vực giáo dục - đào tạo,...

- Thông qua giao ban, họp Bộ phận TN&TKQ thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các lĩnh vực, bộ phận thực hiện đúng quy trình, quy định về giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân; đồng thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện thủ tục hành chính để kiến nghị giải pháp giải quyết kịp thời.

- Trong thời gian qua UBND xã đã nhận được 22 Quyết định của UBND tỉnh quy định về giải quyết thủ tục hành chính, trong đó có 20 quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính và sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã đối với lĩnh vực: Quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện; Giáo dục và đào tạo; Dân số; Lao động thương binh và xã hội; Nội vụ; Văn hóa và thể thao; Bảo trợ xã hội; Tư pháp và lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển nông thôn. 02 quyết định công bố danh mục TTHC bị bãi bỏ đối với lĩnh vực đấu thầu và phòng chống tệ nạn xã hội. UBND xã đã chỉ đạo bộ phận chuyên môn cập nhật, niêm yết công khai tại Bộ phận tiếp nhận và hoàn trả kết quả hiện đại, trên trang thông tin điện tử của xã theo đúng quy định.

- Thực hiện Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND tỉnh Ban hành Quy định tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức doanh nghiệp về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, UBND xã đã niêm yết công khai các thông tin về địa chỉ, email, số điện thoại của cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh, khiếu nại tại Bộ phận Tiếp nhận và hoàn trả kết quả, trên trang thông tin điện tử của xã để tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Trong thời gian qua UBND xã không nhận được kiến nghị, phản ánh nào liên quan đến quy định hành chính.

- Thường xuyên quan tâm chỉ đạo các ban, ngành chủ động viết các tin, bài về các hoạt động của mình để đăng tải trên Website UBND xã phục vụ cho công tác tuyên truyền thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở địa phương, cập nhật các văn bản chỉ đạo, điều hành, các thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức công dân theo dõi, nghiên cứu

- Nhằm đánh giá việc thực hiện công tác kiểm soát thủ tục tại xã, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 04/01/2019 về rà soát TTHC năm 2019, trong đó đã giao công chức Tư pháp – Hộ tịch thực hiện rà soát 14 thủ tục thuộc lĩnh vực Tư pháp – Chứng thực. Tuy nhiên, đến nay chưa hoàn thiện hồ sơ rà soát theo quy định.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

- Tiếp tục rà soát, quy định cụ thể và xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các ban, ngành thuộc UBND xã để phân biệt rõ trách nhiệm quản lý, tránh

chồng chéo, bỏ sót. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp trong việc giải quyết công việc giữa các ban ngành với nhau, giải quyết tốt các mối quan hệ phối hợp trong thực hiện các chức năng, nhiệm vụ.

- Đảm bảo chế độ làm việc, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Tiếp tục đổi mới phương pháp, quản lý điều hành của UBND trên các lĩnh vực, các ban ngành và các thôn trên địa bàn.

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án xây dựng Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; UBND xã đã công khai danh mục các thủ tục hành chính, các khoản phí, lệ phí; đồng thời lập các biểu bảng, sổ theo dõi để cập nhật, bổ sung việc công khai các danh mục thủ tục hành chính mới đảm bảo việc giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

- Trong năm, UBND xã: Đã tiếp nhận 2527 hồ sơ các loại, đã giải quyết 2527 hồ sơ; đúng hạn 2405 hồ sơ; trước hạn 635 hồ sơ; trễ hạn 122 hồ sơ. Việc cập nhật hồ sơ trên hệ thống xử lý dịch vụ công tập trung vẫn còn chậm so với hồ sơ bản giấy.

#### **4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức**

- Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức nhằm tạo sự chuyển biến về chất lượng trong đội ngũ cán bộ, công chức trên địa bàn. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức của xã có trình độ chuyên sâu về chuyên môn, nghiệp vụ; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng thực hiện công vụ cho công chức đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực có chất lượng. Hiện nay bộ phận TN&TKQ xã được bố trí 08 cán bộ, công chức phụ trách các lĩnh vực làm việc trực tiếp tại Bộ phận để giải quyết kịp thời các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân.

- Cử 03 công chức tham gia đào tạo Trung cấp chính trị, 16 công chức tham gia học lớp chuyên viên huyện Quảng Điền do UBND huyện phối hợp Trường chính trị Nguyễn Chí Thanh tổ chức.

- Trong năm đã lập hồ sơ thủ tục đề nghị bầu bổ sung các chức danh Chủ tịch UBND xã, các Phó Chủ tịch UBND xã, Ủy viên UBND xã do chuyển vị trí công tác, tiếp nhận, bố trí chức danh Trưởng công an xã, công chức Văn phòng - Thống kê, cử phụ trách Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự xã.

- Cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã luôn thực hiện tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ gắn với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, nếp sống văn hóa công sở, nâng cao kỹ năng giao tiếp, thái độ tiếp công dân.

#### **5. Cải cách tài chính công**

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong các cơ quan hành chính

nhà nước.

- Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và công khai việc quản lý, sử dụng tài chính và ngân sách tại cơ quan.

- Thực hiện kiểm kê tài sản theo quy định, phân bổ trang thiết bị điện tử cho các ngành đảm bảo điều kiện để cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ.

## **6. Hiện đại hóa nền hành chính**

- Việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc quản lý hành chính, trao đổi thông tin giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân:

+ UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 14/01/2019 về ứng dụng và phát triển CNTT năm 2019 của xã, theo đó UBND xã tiếp tục xác định hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin là một nội dung quan trọng trong thực thi nhiệm vụ của toàn thể cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách tại xã và là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cải cách hành chính, phục vụ tốt hơn hoạt động của cơ quan và giải quyết công việc, nhu cầu của cá nhân, tổ chức.

+ Tiếp tục phổ biến, áp dụng các văn bản của cấp trên như Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện năm 2019 và một số văn bản khác để cán bộ, công chức xã phát huy hơn nữa trách nhiệm trong giải quyết công việc.

- Việc triển khai thực hiện ứng dụng các phần mềm vào giải quyết công việc của xã: Việc áp dụng phần mềm vào giải quyết công việc được thực hiện thường xuyên, góp phần đáp ứng yêu cầu giải quyết và điều hành hoạt động của UBND xã.

+ Tỷ lệ cán bộ, công chức được cấp tài khoản và biết sử dụng các phần mềm trên Hệ thống xác thực tập trung là 100%.

- Công tác bố trí cán bộ chuyên trách ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị: Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 về việc phân công phụ trách công nghệ thông tin, tham mưu UBND xã trong công tác hướng dẫn, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ liên quan công nghệ thông tin, áp dụng phần mềm tại cơ quan.

- Kết quả triển khai, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại cơ quan, đơn vị, địa phương: Phục vụ công tác chỉ đạo điều hành về công tác áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO vào hoạt động của UBND xã, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 28/12/2018 về duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam ISO 9001:2015 tại UBND xã Quảng Phú năm 2019,

- Công tác kiểm soát vận hành hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 tại UBND xã: Đã ban hành Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 23/01/2019 về đánh giá nội bộ năm 2019, Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 24/01/2019 về thực hiện mục tiêu chất lượng năm 2019.

Tổ chức đánh giá nội bộ, họp xem xét lãnh đạo vào ngày 28/9/2019 theo quyết định số: 184/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 về thành lập đoàn đánh giá nội bộ năm 2019, đã tổ chức đánh giá, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Thực hiện Quyết định về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, UBND xã ban hành quyết định số: 209/QĐ- UBND ngày 28/10/2019 về việc công bố lần 02 Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã Quảng Phú.

### **7. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã**

- Được sự quan tâm của cấp trên, quyết tâm của lãnh đạo xã và cán bộ, công chức, đã khai trương và đưa Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã đi vào hoạt động theo Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 09/11/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án xây dựng Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại của UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Tiếp nhận và đầu tư trang thiết bị tối thiểu theo quy định tại Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 09/11/2017 của UBND tỉnh, nhận phân bổ 83 triệu đồng để tiếp tục mua sắm trang thiết bị theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

-Đã củng cố tổ chức hoạt động theo Quyết định 34/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh về Quy định tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế. Kiện toàn người làm việc khi có biến động về nhân sự, nhìn chung số lượng cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã cơ bản đảm bảo, chất lượng từng bước được nâng lên, lề lối làm việc, tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân, tổ chức đến giao dịch hành chính của đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng chuyên nghiệp.

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Những ưu điểm**

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC của UBND xã được quan tâm, thực hiện kịp thời.

- Chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng được nâng lên, đa số cán bộ, công chức đều đạt chuẩn và trên chuẩn; chất lượng, hiệu quả, trách nhiệm trong hoạt động công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động được nâng lên đáng kể do đó đã góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã.

- Việc sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức được triển khai thực hiện khá kịp thời.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại của xã được đầu tư cơ sở vật chất khá đầy đủ, hoạt động ngày càng chất lượng, hiệu quả, góp phần tích cực trong việc giải quyết kịp thời các TTHC của người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

## **2. Những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân**

### **a) Hạn chế, khó khăn**

- Công tác tham mưu UBND xã triển khai các nhiệm vụ CCHC có lúc chưa cao, tiến độ còn chậm, chưa có biện pháp hữu hiệu để tuyên truyền tạo chuyển biến trong nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, người dân về CCHC.

- Bộ phận công an được bố trí tại bộ phận một cửa còn khó khăn về công tác chỉ đạo, điều hành, còn chông chéo trong công việc, chưa bố trí 100% thời gian tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực công an tại Bộ phận TN&TKQ.

- Việc lấy ý kiến về mức độ hài lòng trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tuy đã được triển khai thực hiện nhưng hiệu quả chưa cao, chưa thực chất.

- Công tác cải cách tài chính công chưa có chuyển biến rõ nét, việc công khai tài chính chưa có biểu mẫu đảm bảo theo quy định.

- Công tác ứng dụng công nghệ thông tin tuy có chuyển biến nhưng chưa mạnh, chưa đồng bộ, việc ứng dụng các phần mềm dùng chung của tỉnh kết quả giải quyết thủ tục hành chính tỷ lệ quá hạn còn cao.

### **b) Nguyên nhân**

- Đội ngũ cán bộ công chức phụ trách tham mưu liên quan đến các lĩnh vực trong công tác CCHC tại UBND xã chưa đồng đều, chưa chịu khó nghiêm cứu, thiếu chủ động trong công việc.

- Điều kiện về cơ sở hạ tầng để ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước chưa đảm bảo yêu cầu đề ra. Đội ngũ cán bộ, công chức phụ trách công nghệ thông tin của đơn vị là kiêm nhiệm, chưa được qua đào tạo, bồi dưỡng. Hồ sơ quá hạn còn cao một phần là do lỗi chủ quan của các cán bộ công chức, một phần là do phần mềm xảy ra các lỗi chưa được khắc phục kịp thời.

## **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2019**

**1.** Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 26/4/2017 của UBND huyện ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 20/7/2016 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2016-2020,...

**2.** Nghiêm túc, kịp thời chỉ đạo triển khai thực hiện công tác CCHC, tăng cường tuyên truyền tạo sự thay đổi trong nhận thức đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân đối với công tác CCHC.

**3.** Củng cố, kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại của xã theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế

một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, Quyết định 34/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh Ban hành Quy định tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Tiếp tục triển khai thực hiện việc giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp ở mức độ 3 và mức độ 4 theo Quyết định số 1635/QĐ-UBND 21/07/2017 của UBND tỉnh ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thực hiện tại tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2017 và Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế Ban hành Danh mục dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 thực hiện tại tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2018; thực hiện nghiêm Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về trách nhiệm công khai xin lỗi của công chức làm việc tại các cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính theo Chỉ thị số 32/CT-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh, Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 25/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh và thực hiện quy chế văn hóa công sở theo Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra CCHC trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

6. Tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức triển khai đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ chính trị và đột xuất của địa phương và cấp trên giao để nâng cao chất lượng hoạt động của UBND xã; nâng cao chỉ số CCHC của xã.

7. Tập trung chỉ đạo các công chức phụ trách các lĩnh vực chuẩn bị hồ sơ, tài liệu, tổ chức tự chấm điểm chỉ số CCHC xã.

8. Hoàn thành việc tổ chức chấm điểm chỉ số CCHC. Trên cơ sở đó xem xét đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, đồng thời xem xét đề nghị khen thưởng theo quy định.

***Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác CCHC và nhiệm vụ những tháng cuối năm 2019./.***

***Nơi nhận:***

- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND xã;
- Các ban ngành, đoàn thể xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Văn Lợi**



## PHỤ LỤC BÁO CÁO CCHC NĂM 2019

(kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2019 của UBND xã)

### Phụ lục 1

### KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KẾ HOẠCH

TT	Kế hoạch	Thời gian ban hành	Số nhiệm vụ trong kế hoạch	Số nhiệm vụ hoàn thành theo kế hoạch	Ghi chú
1	Kế hoạch CCHC năm	28/12/2018	26	23	03 nhiệm vụ hoàn thành những tháng còn lại năm 2019
2	Kế hoạch kiểm tra CCHC năm	21/01/2019	7	7	
3	Kế hoạch tuyên truyền CCHC	12/3/2019	4	4	
4	Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC	21/01/2019	02	02	
5	Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các ngành	21/01/2019	5	5	
6	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức				
7	Kế hoạch ứng dụng CNTT	14/01/2019	4	4	

**Phụ lục 2**  
**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO CÁC TIÊU CHÍ**  
**THỰC HIỆN CCHC**

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh</b>	<b>UBND cấp huyện</b>	<b>UBND cấp xã</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Số cơ quan (phòng thuộc sở, ban ngành) trong kế hoạch kiểm tra CCHC được phê duyệt			01	
2	Số cơ quan (phòng trực thuộc) được kiểm tra về CCHC				
3	Số cơ quan (phòng trực thuộc) công khai đầy đủ, đúng quy định bộ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả			01	
4	Số cơ quan (phòng trực thuộc) chuyên môn trong kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động			01	
5	Số cơ quan (phòng trực thuộc) được kiểm tra về tình hình tổ chức và hoạt động			03	
6	Số cơ quan (phòng trực thuộc) có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt				
7	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công trực thuộc có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt				
8	Số cơ quan thực hiện đúng cơ cấu công chức được phê duyệt				
9	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng cơ cấu viên chức được phê duyệt				
10	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công và tương đương thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức, viên chức			01	
11	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức			01	
12	Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo ND 130			01	
13	Số cơ quan hành chính ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo ND 130			01	
14	Số cơ quan hành chính ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức			01	
15	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan, đơn				

	vi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo NĐ 43				
16	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan, đơn vị ban hành quy chế chi tiêu nội bộ				
17	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan, đơn vị ban hành ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động				
18	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc cơ quan, đơn vị được phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo NĐ 115				
19	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc cơ quan, đơn vị ban hành quy chế chi tiêu nội bộ				
20	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc cơ quan, đơn vị ban hành ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động				
21	Số cơ quan (đơn vị trực thuộc) triển khai ứng dụng phần mềm dùng chung			01	
22	Số cơ quan (đơn vị trực thuộc) triển khai các phần mềm ứng dụng cơ bản			01	
23	Số cơ quan (đơn vị trực thuộc) sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc			01	
24	Số cơ quan (đơn vị trực thuộc) có Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử			02	
25	Số cơ quan (đơn vị trực thuộc) và cấp xã được cấp chứng chỉ ISO			01	
26	Số cơ quan (đơn vị trực thuộc) và cấp xã thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động			01	
27	Số cơ quan (đơn vị trực thuộc) và cấp xã có giải quyết công việc liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông			01	
28	Số cơ quan (đơn vị trực thuộc) triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông			01	
29	Số xã, phường, thị trấn triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông			01	
30	Số cơ quan (đơn vị trực thuộc) đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định			01	
31	Số xã, phường, thị trấn đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định			01	

**Phụ lục 3**  
**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

Năm	Năm trước	Năm báo cáo
Nội dung		
1. Số phòng, ban, chi cục thuộc sở, ban, ngành, cơ quan Trung ương		
2. Số đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị sự nghiệp dịch vụ công) trực thuộc sở, ban, ngành, cơ quan Trung ương		
3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc sở, ban, ngành, cơ quan Trung ương		
4. Số phòng chuyên môn thuộc huyện, thị xã, thành phố		
5. Số đơn vị sự nghiệp thuộc huyện, thị xã, thành phố		

**Phụ lục 4**  
**SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

TT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Tỷ lệ % (So với tổng số TTHC trong bộ TTHC)	Ghi chú
			Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh	UBND cấp huyện	UBND cấp xã		
1	Số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của đơn vị				<b>152</b>	<b>100</b>	
2	Số TTHC ở cơ quan, đơn vị được giải quyết theo cơ chế một cửa				<b>119</b>	<b>100</b>	
3	Số TTHC ở cơ quan, đơn vị được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông				<b>33</b>	<b>100</b>	

**Phụ lục 5****CÁC VẤN ĐỀ XỬ LÝ TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CCHC**

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Đã xử lý/đã thực hiện</b>	<b>Tỷ lệ% so với tổng số</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra CCHC	4	4	100	
2	Số phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị	0			
3	Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động ở cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện				
4	Số vấn đề phát hiện sau khi rà soát VB QPPL tại đơn vị	0			
5	Số vấn đề phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra VB QPPL tại đơn vị	0			
6	Số quy định của Chính phủ về phân cấp được thực hiện ở đơn vị				
7	Số VB QPPL được triển khai thực hiện tại đơn vị	2	2	100	
8	Số VB QPPL thực hiện tại đơn vị được kiểm tra	2	2	100	
9	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra việc thực hiện VB QPPL tại đơn vị	2	2	100	

**Phụ lục 6**  
**SỐ LƯỢNG VỀ CẢI CÁCH THỂ CHẾ**

Nội dung	Năm	Năm báo cáo 2019				
	Năm trước	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng
1. Số lượng VB QPPL đã ban hành	<b>02</b>	<b>01</b>	<b>01</b>		<b>00</b>	<b>02</b>
2. Số lượng VB QPPL đã được rà soát	02	01	01			02
- Kết quả:						
+ Tự bãi bỏ						
+ Tự sửa đổi						
+ Đề nghị cấp trên sửa đổi hoặc bãi bỏ						
3. Số lượng TTHC qua rà soát	153			152		152
- Kết quả:						
+ Tự bãi bỏ						
+ Tự sửa đổi						
+ Đề nghị cấp trên sửa đổi hoặc bãi bỏ						

**Phụ lục 7**

**KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA**

TT	Lĩnh vực, công việc thực hiện cơ chế một cửa	Số hồ sơ giải quyết nhiều ngày (có ghi giấy hẹn)							
		Hồ sơ chưa giải quyết (trước kỳ báo cáo)	Hồ sơ nhận (trong kỳ báo cáo)		Hồ sơ đã giải quyết			Hồ sơ đang giải quyết	
			Tổng số	Tiếp nhận ngày thứ 7	Trước hẹn	Đúng hẹn	Trễ hẹn	Đang thụ lý	Đã quá hạn
1	- Lĩnh vực TP-HT	0	193	0		193	0		
2	- Lĩnh vực TP-HT	0	239	0	163	76	0		
3	Địa chính	0	96			96			
4	LV LĐ-TBXH	0	149	0	0	149	0		
5	Giải quyết đơn thư KNTC	0	34	0	0	34	0		
	<b>Tổng số:</b>	<b>0</b>	<b>711</b>	<b>0</b>	<b>163</b>	<b>548</b>	<b>0</b>		

TT	Lĩnh vực, công việc thực hiện cơ chế một cửa	Số hồ sơ giải quyết trong ngày (không ghi giấy hẹn)			
		Tổng số	Giải quyết trong ngày thứ 7	Đúng thời gian	Trễ thời gian
1	Lĩnh vực TP-HT	396	0	396	0
2	Lĩnh vực Tư pháp - Chứng thực	2.717	0	2.717	0
3	LV LĐ-TBXH	254	0	254	0
4	Lĩnh vực đất đai	264	0	264	0
	<b>Tổng số:</b>	<b>3631</b>	<b>0</b>	<b>3631</b>	<b>0</b>



**Phụ lục 8**  
**KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA**  
**LIÊN THÔNG (nếu có)**

TT	Lĩnh vực, công việc thực hiện cơ chế một cửa liên thông	Số hồ sơ giải quyết nhiều ngày (có ghi giấy hẹn)							
		Hồ sơ chưa giải quyết (trước kỳ báo cáo)	Hồ sơ nhận (trong kỳ báo cáo)		Hồ sơ đã giải quyết			Hồ sơ đang giải quyết	
			Tổng số	Tiếp nhận ngày thứ 7	Trước hẹn	Đúng hẹn	Trễ hẹn	Đang thụ lý	Đã quá hẹn
1	Lĩnh vực LĐ TBXH	0	154	0	0	96	58		
2	Địa chính		14			2	12		
	<b>Tổng số:</b>	<b>0</b>	<b>168</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>98</b>	<b>70</b>		

**Phụ lục 9**  
**SỐ LIỆU VỀ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG**

1. Số lượng cán bộ, công chức qua đào tạo, bồi dưỡng (đào tạo chính quy, tại chức, dài hạn, ngắn hạn từ 3 tháng đến 1 năm, các lớp, khóa bồi dưỡng, tập huấn dưới 3 tháng)

Năm	Năm trước	Năm báo cáo
<b>1. Số lượt công chức hành chính</b>		
1.1. Đào tạo chính quy, tại chức		
1.2. Đào tạo ngắn hạn		
1.3. Lớp bồi dưỡng, tập huấn		
<b>2. Viên chức sự nghiệp</b>		
2.1. Đào tạo chính quy, tại chức		
2.2. Đào tạo ngắn hạn		
2.3. Lớp bồi dưỡng, tập huấn		
<b>3. Cán bộ, công chức cấp xã</b>		
3.1. Đào tạo chính quy, tại chức	4	18
3.2. Đào tạo ngắn hạn	0	0
3.3. Lớp bồi dưỡng, tập huấn	3	6

**Phụ lục 10**  
**BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI, LUÂN CHUYỂN, TỪ CHỨC, MIỄN NHIỆM**  
**VÀ KỶ LUẬT**

Năm	Năm trước	Năm báo cáo (số lượng)
<b>Nội dung</b>		
<b>1. Đối với giám đốc, phó giám đốc sở và tương đương</b>		
1.1. Bổ nhiệm		
1.2. Bổ nhiệm lại		
1.3. Luân chuyển		
1.4. Từ chức		
1.5. Miễn nhiệm		
1.6. Kỷ luật		
1.6.1. Khiển trách		
1.6.2. Cảnh cáo		
1.6.3. Cách chức		
1.6.4. Bãi nhiệm		
<b>2. Đối với Trưởng phòng, Phó trưởng phòng thuộc sở và tương đương</b>		
2.1. Bổ nhiệm		
2.2. Bổ nhiệm lại		
2.3. Luân chuyển		
2.4. Từ chức		
2.5. Miễn nhiệm		
2.6. Kỷ luật		
2.6.1. Khiển trách		
2.6.2. Cảnh cáo		
2.6.3. Cách chức		
2.6.4. Bãi nhiệm		
<b>3. Đối với Trưởng phòng, Phó trưởng phòng thuộc UBND cấp huyện</b>		
3.1. Bổ nhiệm		
3.2. Bổ nhiệm lại		
3.3. Luân chuyển		
3.4. Từ chức		
3.5. Miễn nhiệm		
3.6. Kỷ luật		
3.6.1. Khiển trách		
3.6.2. Cảnh cáo		
3.6.3. Cách chức		

3.6.4. Bãi nhiệm		
<b>4. Kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức</b>		
4.1. Khiển trách	0	0
4.2. Cảnh cáo	0	0
4.3. Hạ bậc lương	0	0
4.6. Buộc thôi việc	0	0

**Phụ lục 11**  
**TRÌNH ĐỘ LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ VÀ CHUYÊN MÔN**  
**CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

Nội dung	Quý	Năm trước	Năm báo cáo
<b>Số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo quy định</b>		24	22
<b>1. Đối với cán bộ cấp xã</b>			
1.1. Tổng số		11	10
1.2. Số cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định		11	10
1.3. Đại học, cao đẳng		7	7
1.4. Trung cấp		4	3
1.5. Sơ cấp		0	0
1.6. Chưa qua đào tạo		0	0
<b>2. Đối với công chức cấp xã</b>			
2.1. Tổng số		13	12
1.2. Số công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định		13	12
1.3. Đại học, cao đẳng		8	10
1.4. Trung cấp		5	2
1.5. Sơ cấp		0	0
1.6. Chưa qua đào tạo		0	0